

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-THKH

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

V/v chấp thuận Kế hoạch tuyển  
dụng viên chức tại các đơn vị  
trực thuộc Sở Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1714/SNV-CCVC ngày 17/8/2020 về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 1714/SNV-CCVC ngày 17/8/2020 nêu trên; giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, căn cứ quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017, Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017, Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh và chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2020, xem xét, quyết định thực hiện việc tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc thẩm quyền và các đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng nhưng có văn bản đề nghị tuyển dụng chung với Hội đồng tuyển dụng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gồm 09 đơn vị: Chi cục Thủy lợi; 04 Ban Quản lý rừng phòng hộ: Tĩnh Gia, Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Sơn; Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En; 02 Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên: Pù Luông, Xuân Liên; Trung tâm đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thủy Sản); chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được giao thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức, cụ thể như sau:

1.1. Về số lượng cần tuyển: 245 chỉ tiêu, trong đó: Viên chức là 240; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 05.

1.2. Về điều kiện, tiêu chuẩn, cơ cấu, vị trí việc làm và trình độ chuyên môn cần tuyển:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn: Đảm bảo theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức; Điều 4 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012; Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

## b) Cơ cấu, vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

| Stt       | Tên đơn vị; vị trí việc làm cần tuyển | Cơ cấu, vị trí việc làm và trình độ đào tạo cần tuyển |                                                                                 |                                                                                                    |
|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                       | Chỉ tiêu cần tuyển                                    | Yêu cầu về trình độ đào tạo                                                     | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển                                                          |
| Tổng cộng |                                       | 245                                                   |                                                                                 |                                                                                                    |
| I         | Chi cục Thủy lợi                      | 8                                                     |                                                                                 |                                                                                                    |
| -         | Quản lý, bảo vệ đê điều               | 4                                                     | Đại học trở lên                                                                 | Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật môi trường; Hệ thống thông tin quản lý |
| -         | Phòng, chống thiên tai                | 1                                                     | Đại học trở lên                                                                 | Công trình thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật môi trường                        |
|           |                                       | 1                                                     | Đại học trở lên                                                                 | Kế toán                                                                                            |
| -         | Lái xe (Hợp đồng 68)                  | 1                                                     | Có giấy phép lái xe hạng B2 trở lên và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định |                                                                                                    |
| -         | Phục vụ (Hợp đồng 68)                 | 1                                                     | Trung cấp trở lên                                                               | Quản lý hành chính nhà nước                                                                        |
| II        | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 3                                                     |                                                                                 |                                                                                                    |
| -         | Kiểm dịch thực vật                    | 2                                                     | Đại học trở lên                                                                 | Trồng trọt; Khoa học cây trồng; Nông học; Bảo vệ thực vật; Nông lâm kết hợp                        |
| -         | Lái xe (Hợp đồng 68)                  | 1                                                     | Có giấy phép lái xe hạng B2 trở lên và điều kiện, tiêu chuẩn                    |                                                                                                    |

|            |                                   |           |                                                                                 |                                   |
|------------|-----------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|            |                                   |           | khác theo quy định                                                              |                                   |
| <b>III</b> | <b>Chi cục Thủy sản</b>           | <b>12</b> |                                                                                 |                                   |
| <b>1</b>   | <b>Cơ quan Chi cục</b>            | <b>1</b>  |                                                                                 |                                   |
|            | Lái xe (Hợp đồng 68)              | 1         | Có giấy phép lái xe hạng B2 trở lên và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định |                                   |
| <b>2</b>   | <b>Trung tâm đăng kiểm tàu cá</b> | <b>11</b> |                                                                                 |                                   |
| -          | Hành chính - Tổng hợp             | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Quản trị kinh doanh               |
| -          | Kế toán                           | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Kế toán                           |
| -          | Văn thư, thủ quỹ                  | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Văn thư - Lưu trữ; Kế toán        |
| -          | Đăng kiểm viên                    | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Kỹ thuật tàu thủy                 |
|            |                                   | 2         |                                                                                 | An toàn hàng hải                  |
|            |                                   | 1         |                                                                                 | Điều khiển tàu biển               |
|            |                                   | 1         |                                                                                 | Công nghệ thực phẩm               |
|            |                                   | 1         |                                                                                 | Công nghệ Kỹ thuật điện           |
|            |                                   | 1         |                                                                                 | Khai thác thủy sản                |
|            |                                   | 1         | Cao đẳng trở lên                                                                | Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy |
| <b>IV</b>  | <b>Chi cục Kiểm lâm</b>           | <b>51</b> |                                                                                 |                                   |
| -          | Kế toán                           | 4         | Đại học trở lên                                                                 | Kế toán; Kế toán Kiểm toán        |

|   |          |    |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---|----------|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - | Kiểm lâm | 14 | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường                      |
|   |          | 12 | Đại học trở lên   | Khuyến nông; Khuyến nông phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Nông lâm kết hợp; Khoa học môi trường; Chế biến Lâm sản; Quản lý tổ chức và nhân sự; Quản lý Văn hóa; Văn hóa Du lịch; Khoa học máy tính; Tin học; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin quản lý |
|   |          | 2  | Đại học trở lên   | Chăn nuôi; Nông học                                                                                                                                                                                                                                                |
|   |          | 9  | Đại học trở lên   | Luật                                                                                                                                                                                                                                                               |
|   |          | 6  | Đại học trở lên   | Kinh tế; Kinh tế phát triển; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế thương mại; Kinh tế lao động; Quản trị kinh doanh; Quản lý đất đai                                                                                                                                       |
|   |          | 4  | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp, Kỹ thuật lâm nghiệp, Chăn nuôi - Thú y; Cơ khí máy tàu biển                                                                                                                                                                                            |

|             |                                             |          |                   |                                                                                      |
|-------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>V</b>    | <b>Trung tâm Khuyến nông</b>                | <b>2</b> |                   |                                                                                      |
| -           | Khuyến nông                                 | 1        | Đại học trở lên   | Nuôi trồng thủy sản                                                                  |
| -           | Văn thư, thủ quỹ                            | 1        | Đại học trở lên   | Quản trị Văn phòng;<br>Kế toán                                                       |
| <b>VI</b>   | <b>Ban Quản lý cảng cá Lạch Hới</b>         | <b>1</b> |                   |                                                                                      |
| -           | Cảng vụ                                     | 1        | Đại học trở lên   | Kỹ thuật tài nguyên nước                                                             |
| <b>VII</b>  | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia</b>   | <b>8</b> |                   |                                                                                      |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - Bảo vệ rừng           | 1        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng                                         |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                         | 7        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh</b> | <b>7</b> |                   |                                                                                      |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - Bảo vệ rừng           | 2        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Kinh tế lâm nghiệp                    |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                         | 3        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường |
|             |                                             | 2        | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp                                                                           |
| <b>IX</b>   | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Mường Lát</b>  | <b>8</b> |                   |                                                                                      |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - Bảo vệ rừng           | 1        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp                                                                           |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                         | 3        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Quản lý đất đai                                                          |

|             |                                              |           |                   |                                                             |
|-------------|----------------------------------------------|-----------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
|             |                                              | 1         | Đại học trở lên   | Phát triển nông thôn                                        |
|             |                                              | 2         | Trung cấp trở lên | Trồng rừng                                                  |
| -           | Văn thư, thủ quỹ                             | 1         | Trung cấp trở lên | Văn thư - Lưu trữ;<br>Hạch toán kế toán                     |
| <b>X</b>    | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành</b> | <b>3</b>  |                   |                                                             |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                          | 3         | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Luật            |
| <b>XI</b>   | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng</b>  | <b>7</b>  |                   |                                                             |
|             |                                              | 3         | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                         |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                          | 1         | Đại học trở lên   | Nông học                                                    |
|             |                                              | 2         | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp; Kiểm lâm                                        |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - Bảo vệ rừng            | 1         | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp                                                  |
| <b>XII</b>  | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân</b> | <b>12</b> |                   |                                                             |
| -           | Tổ chức hành chính, nhân sự                  | 1         | Đại học trở lên   | Kế toán; Công nghệ thông tin                                |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - BVR                    | 1         | Đại học trở lên   | Tài chính - Ngân hàng                                       |
| -           | Quản lý bảo vệ rừng                          | 10        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Trồng trọt; Nông học; Quản lý đất đai |
| <b>XIII</b> | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn</b>    | <b>17</b> |                   |                                                             |
| -           | Kế hoạch - Kỹ thuật - Bảo vệ rừng            | 3         | Đại học trở lên   | Lâm sinh; Lâm học; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý bảo vệ tài  |

|            |                                                   |           |                   |                                                                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                   |           |                   | nguyên rừng                                                                                                                           |
| -          | Quản lý bảo vệ rừng                               | 10        | Đại học trở lên   | Lâm sinh; Lâm học; Nông học; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý đất đai                                                          |
|            |                                                   | 4         | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp; Trồng rừng                                                                                                                |
| <b>XIV</b> | <b>Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh</b>        | <b>18</b> |                   |                                                                                                                                       |
| -          | Quản lý bảo vệ rừng                               | 16        | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Nông lâm kết hợp                                                                                 |
|            |                                                   | 1         | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp                                                                                                                            |
| -          | Tổ chức hành chính, nhân sự                       | 1         | Đại học trở lên   | Quản trị nhân sự; Kế toán                                                                                                             |
| <b>XV</b>  | <b>Ban Quản lý Khu BTTN Xuân Liên</b>             | <b>21</b> |                   |                                                                                                                                       |
| -          | Khoa học và hợp tác quốc tế                       | 3         | Đại học trở lên   | Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Lâm sinh; Khoa học cây trồng                                                                          |
| -          | Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng                   | 7         | Đại học trở lên   | Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý đất đai |
|            |                                                   | 1         | Trung cấp trở lên | Pháp lý                                                                                                                               |
| -          | Bảo tồn, phát triển sinh vật                      | 2         | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm nghiệp                                                                                                                   |
| -          | Tuyên truyền, giáo dục và dịch vụ môi trường rừng | 2         | Đại học trở lên   | Công nghiệp phát triển nông thôn; Nông học                                                                                            |

|             |                                                   |           |                   |                                                                                         |
|-------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| -           | Văn thư, lưu trữ                                  | 1         | Đại học trở lên   | Văn thư - Lưu trữ; Kế toán (có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư) |
| -           | Kế hoạch - Tài chính                              | 2         | Đại học trở lên   | Tài chính, Ngân hàng; Nông học                                                          |
| -           | Kế toán                                           | 1         | Đại học trở lên   | Kế toán                                                                                 |
| -           | Tổ chức hành chính, nhân sự                       | 2         | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm nghiệp; Quản trị văn phòng                                                 |
| <b>XVI</b>  | <b>Ban Quản lý Khu BTTN Pù Luông</b>              | <b>11</b> |                   |                                                                                         |
| -           | Khoa học và Hợp tác quốc tế                       | 3         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng                          |
| -           | Bảo tồn, phát triển sinh vật                      | 1         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm học                 |
| -           | Tuyên truyền, giáo dục và dịch vụ môi trường rừng | 1         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm học                 |
| -           | Tổ chức hành chính, nhân sự                       | 1         | Đại học trở lên   | Luật                                                                                    |
| -           | Kế toán                                           | 1         | Đại học trở lên   | Kế toán                                                                                 |
| -           | Kế hoạch - Tài chính                              | 2         | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm nghiệp                                                                     |
| -           | Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng                   | 2         | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp tổng hợp; Nông học                                                           |
| <b>XVII</b> | <b>Ban Quản lý Khu BTTN Pù Hu</b>                 | <b>17</b> |                   |                                                                                         |
| -           | Khoa học và hợp tác quốc tế                       | 4         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp                                                     |
| -           | Tuyên truyền, giáo dục và dịch vụ môi             | 1         | Đại học trở lên   | Khuyến nông và Phát triển nông thôn                                                     |

|              |                                                   |           |                   |                                                                                                 |
|--------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | trường rừng                                       | 1         | Đại học trở lên   | Địa lý học (Định hướng quản lý tài nguyên môi trường)                                           |
| -            | Bảo tồn, phát triển sinh vật                      | 2         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên                                         |
| -            | Kế toán                                           | 1         | Đại học trở lên   | Kế toán                                                                                         |
| -            | Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng                   | 3         | Trung cấp trở lên | Lâm nghiệp                                                                                      |
| -            | Kế hoạch - Tài chính                              | 1         | Đại học trở lên   | Quản lý tài nguyên thiên nhiên                                                                  |
|              |                                                   | 1         | Đại học trở lên   | Lâm sinh                                                                                        |
| -            | Văn thư, thủ quỹ                                  | 1         | Trung cấp trở lên | Văn thư - Lưu trữ; Quản lý đất đai (có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư) |
| -            | Tổ chức hành chính, nhân sự                       | 2         | Đại học trở lên   | Luật                                                                                            |
| <b>XVIII</b> | <b>Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En</b>           | <b>24</b> |                   |                                                                                                 |
| -            | Tuyên truyền, giáo dục và dịch vụ môi trường rừng | 3         | Đại học trở lên   | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh; Nông lâm kết hợp       |
| -            | Khoa học và hợp tác quốc tế                       | 7         | Đại học trở lên   | Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng               |
| -            | Bảo tồn, phát triển sinh vật                      | 3         | Đại học trở lên   | Lâm sinh; Lâm học; Chăn nuôi; Thú y                                                             |
| -            | Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng                   | 3         | Đại học trở lên   | Quản lý đất đai; Lâm nghiệp đô thị; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng                              |

|            |                                                        |           |                                                                                 |                                                                                                           |
|------------|--------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                        | 3         | Đại học trở lên                                                                 | Luật; Luật kinh tế                                                                                        |
|            |                                                        | 3         | Trung cấp trở lên                                                               | Lâm nghiệp; Lâm sinh                                                                                      |
| -          | Tổ chức hành chính, nhân sự                            | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Tài chính - ngân hàng                                                                                     |
| -          | Văn thư, lưu trữ                                       | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Văn thư - Lưu trữ; Báo chí (có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư)                   |
| <b>XIX</b> | <b>Ban Quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và PCTT</b> | <b>15</b> |                                                                                 |                                                                                                           |
| -          | Kỹ thuật, nghiệp vụ về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng     | 4         | Đại học trở lên                                                                 | Quản lý tài nguyên rừng; Lâm học; Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế Đầu tư                                   |
| -          | Kỹ thuật, nghiệp vụ về Quỹ Phòng, chống thiên tai      | 4         | Đại học trở lên                                                                 | Quản lý tài nguyên rừng; Kinh tế nông nghiệp; Kế toán tài chính; Công nghệ thông tin; Công trình thủy lợi |
| -          | Tổ chức, hành chính và nhân sự                         | 3         | Đại học trở lên                                                                 | Quản trị kinh doanh; Khoa học cây trồng; Kinh tế phát triển                                               |
| -          | Kế toán                                                | 2         | Đại học trở lên                                                                 | Kế toán                                                                                                   |
| -          | Văn thư, thủ quỹ                                       | 1         | Đại học trở lên                                                                 | Văn thư - Lưu trữ; Kinh tế (có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư)                   |
| -          | Lái xe (Hợp đồng 68)                                   | 1         | Có giấy phép lái xe hạng B2 trở lên và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định |                                                                                                           |

2. Về hình thức tuyển dụng: Xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh. Trong đó, ưu tiên các trường hợp đã ký hợp đồng lâu năm tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; có năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, giám sát việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**